

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 11 -2021

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:** Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2021/HNGĐ - ST ngày 7 tháng 10 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị P, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm 6 T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

**- Bị đơn:** Anh Lê Xuân H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị P trình bày giữa chị và anh Lê Xuân H đăng ký kết hôn ngày 22/12/2011 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đoàn tụ hạnh phúc được hơn 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H là người không lo đi làm, ham chơi, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 04 năm 2013 đến nay. Nay chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

*Về phần con chung:* Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau, tên cháu là Lê Phi L, sinh ngày 05/01/2012, hiện tại cháu đang ở cùng chị tại xã Đ. Huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu L

đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

Nghề nghiệp của chị làm công nhân, mức lương 6.000.000đ ( sáu triệu đồng)/ tháng. Chị xét thấy đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dạy cháu L để cháu có cuộc sống ổn định nhất.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Xuân H trình bày vợ chồng anh, chị đăng ký kết hôn ngày 22/12/2011 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đoàn tụ hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P nóng tính, thời gian đó anh H còn ham chơi nên vợ chồng anh, chị thường xuyên cãi nhau và bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến không khí gia đình bế tắc và rất nặng nề. Vì vậy đến ngày 10/4/2013 chị P đưa cháu L về sống tại xã Đ, huyện T, Thanh Hóa. Vợ chồng anh, chị không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống xa nhau đã lâu, anh H cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị ly hôn.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng anh, chị có 01 người con, tên cháu là Lê Phi L, sinh ngày 05/01/2012, hiện nay cháu đang ở cùng chị P. Ly hôn anh H có nguyện vọng giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và phần nợ:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị P và anh H ly hôn; Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phi L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*[1].Về tố tụng:* Anh Lê Xuân H và chị Bùi Thị P thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án, mặt khác anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Căn cứ vào điểm b, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*[2].Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị P và anh Lê Xuân H đăng ký kết hôn ngày 22/12/2011 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trước đây anh H còn ham chơi, anh, chị chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nặng nề, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị P và anh Lê Xuân H ly hôn.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau. Hiện tại cháu Lê Phi L đang ở ổn định cùng chị P. Ly hôn, anh, chị đều thống nhất giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 25/10/2021 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị P và anh H. Tại buổi xác minh UBND xã Đ cho biết việc mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn giữa chị P và anh H chính quyền địa phương không biết được, do khi có mâu thuẫn vợ chồng, anh chị không báo cáo và yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Vợ chồng anh H có 1 con chung là cháu Lê Phi L, hiện nay cháu L đang ở cùng chị P, cháu đang học lớp 4 trường tiểu học Đ, cháu khỏe mạnh và phát triển tốt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/10/2021 cháu Lê Phi L cũng có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với chị P.

Vì vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý của cháu L và xét nguyện vọng của cháu L, Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Bùi Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị P và anh Lê Xuân H được ly hôn.

*Về con chung:* Giao cháu Lê Phi L cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, chị P không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu bé, thì anh H có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

*Về tài sản:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:* Chị Bùi Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006261 ngày 6 tháng 10 năm 2021 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị P đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Đ
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Thủy**

**Đào Thị Hiền**

**Lê Thị Thủy**

